

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **231/2019/HS-PT**

Ngày: 28/8/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 211/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: **Vũ Văn D** về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo, kháng nghị đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo kháng cáo:

Vũ Văn D - Sinh năm 1978; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn B, xã D1, huyện H, tỉnh Thái Bình; chỗ ở: NV 11-28 KĐT P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh bất động sản; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông **Vũ Văn Đ** (đã chết) và bà **Vũ Thị Th** (sinh năm 1955); có vợ là **Bùi Thị Th1** (sinh năm 1978) và 02 con (con lớn sinh năm 2002 và con nhỏ sinh năm 2009), tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2016 đến ngày 08/02/2018. Thay đổi biện pháp ngăn chặn **Cấm đi khỏi nơi cư trú**.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo **Vũ Văn D**:*

Luật sư **Trần Quốc T** - Luật sư của Văn phòng Luật sư Quốc T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Bị hại:

3.1. Ông **Nguyễn Tiến H1**; sinh năm 1980; Trú tại: Số 122, phố L3, phường V, quận H4, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

3.2. Ông **Đoàn Văn M**; sinh năm 1958 tại Hưng Yên; Trú tại: thị trấn V1, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

3.3. Ông **Trần Minh Đ1**; sinh năm 1954 tại Hà Nam; Trú tại: Tổ 1, phường Đ, quận H5, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, ông M, ông Đ1: Ông Phạm Trung H2 (Giấy ủy quyền ngày 19/7/2019). Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L; Địa chỉ: số 26 Đường L2, P, Thành phố N, Khánh Hòa. Địa chỉ hiện tại: Số 28 Lô NV18, Khu đô thị mới P, phường P, Thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo pháp luật của công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L: Ông Nguyễn Tiến Đ2; sinh năm 1977; Trú tại: Phòng 625, Chung cư A, phường V3, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

5. Người làm chứng:

5.1. Chị **Cao Thị H3**; sinh năm 1979 tại Thanh Hóa; Trú tại: Số 01 NV02, Khu đô thị mới P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.2. Chị **Lê Thị N**; sinh năm 1976 tại Thanh Hóa; Trú tại: Số 09 BT 12 Khu đô thị mới P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.3. Chị **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1992; Trú tại: Số 38 Vân Đồn, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.4. Anh **Trần Xuân Th2**, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn P1, xã P2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.5. Anh **Đặng Hào T1**, sinh năm 1991; Trú tại: NV 21-27 Khu đô thị P B, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.6. Anh **Trịnh Văn Th3**, sinh năm 1990; Trú tại: Số 35 Khúc Thừa Dụ, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.7. Chị **Ngô Thị Y**, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn P1, xã P2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

5.8. Anh **Trần Anh T2**, sinh năm 1976; Trú tại: Số 9 BT 12 Khu đô thị mới P, phường P, thành phố N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển L (gọi tắt là Công ty L) có trụ sở tại số 26 Đường L2, phường P, Thành phố N, được đăng ký thành lập vào tháng 03/2014. Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản và nhiều ngành nghề khác. Công ty do 04 cổ đông sáng lập, gồm:

1. Nguyễn Tiến H1 góp 5.832.000.000 đồng. Chiếm 19,44% vốn điều lệ.
2. Đoàn Văn M góp 4.050.000.000 đồng. Chiếm 13,5% vốn điều lệ.
3. Trần Minh Đ1 góp 3.240.000.000 đồng. Chiếm 10,8% vốn điều lệ.
4. Vũ Văn D góp 3.078.000.000 đồng. Chiếm 10,26% vốn điều lệ.

Vũ Văn D được cổ đông bầu làm chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trong quá trình quản lý việc kinh doanh mua bán nhà ở theo các hợp đồng đã ký giữa Công ty L với khách hàng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015, Vũ Văn D đã nhiều lần viết phiếu thu, nhận tiền trực tiếp của khách hàng hoặc nhận tiền mặt do kế toán và Giám đốc sản giao dịch bàn giao, trực tiếp chiếm đoạt số tiền 2.340.454.116 đồng của Công ty. Để thực hiện việc chiếm đoạt, D dùng thủ đoạn gian dối bằng cách: Lập biên bản “Thỏa thuận về việc góp vốn” ký giả chữ ký của các ông H1, M, Đ1 trong việc xác nhận toàn bộ số vốn của Công ty L là của D. Kể từ đó, D toàn quyền quyết định và định đoạt tiền của Công ty. Số tiền chiếm đoạt trên, D sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại bản kết luận số 1288 ngày 06/6/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng đã xác định: Chữ ký mang tên Nguyễn Tiến H1, Đoàn Văn M, Trần Minh Đ1, Vũ Văn D dưới mục “ Các thành viên sáng lập đồng ký tên” trong “ Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn và điều hành Công ty L ngày 06/4/2014” không phải là chữ ký của các ông H1, M, Đ1 mà do chính Vũ Văn D trực tiếp ký ra. (Bút lục 397-398)

Tại Bản kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017 và Công văn giải thích của Giám định viên tư pháp thuộc lĩnh vực tài chính-kế toán đã xác định: Tính đến thời điểm 30/6/2015: Vũ Văn D chiếm đoạt của Công ty L số tiền 2.340.454.116 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT/VKSKH-P1 ngày 01/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã xác định: Trong quá trình quản lý việc kinh doanh mua bán nhà ở theo các hợp đồng đã ký của Công ty L với khách hàng tính thời điểm 30/6/2015, Vũ Văn D đã nhiều lần viết phiếu thu, nhận tiền trực tiếp khách hàng hoặc nhận tiền mặt do kế toán và Giám đốc sản giao dịch bàn giao, trực tiếp chiếm đoạt số

tiền 2.340.454.116 đồng của Công ty. Số tiền chiếm đoạt trên, D sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 đối với bị cáo Vũ Văn D.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn D 08 (tám) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, thời hạn tạm giam từ ngày 16 tháng 11 năm 2017 đến ngày 08 tháng 02 năm 2018 được trừ vào thời gian chấp hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí, xử và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án xử sơ thẩm: Ngày 20/3/2019 và các ngày 4, 5, 8/4/2019 bị cáo Vũ Văn D có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công ty L như Bản án sơ thẩm đã quyết định; Ngày 16/4/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 17/QĐ-VC2 kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HS-ST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là kháng nghị số 17) đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm theo hướng: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo là cổ đông sáng lập công ty L với phần vốn góp 10,26% vốn điều lệ của Công ty với số cổ phần vào thời điểm góp vốn là 3.078.000.000 đồng nên bị cáo không thể chiếm đoạt tài sản của bị cáo được; Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định trưng cầu giám định tài sản số 01/2018/QĐ-TA ngày 16/7/2018, nhưng khi chưa có kết luận giám định tài sản do chính Tòa án yêu cầu mà Tòa án lại ra bản án kết tội bị cáo là không đúng; Kết luận giám định tài chính kết luận bị cáo trong thời gian làm giám đốc Công ty có chênh lệch thu chi số tiền 5.648.214.399 đồng, Cơ quan điều tra lấy số tiền này trừ đi số tiền góp vốn ban đầu của bị cáo là 3.078.000.000 đồng, số tiền còn lại 2.340.451.116 đồng để buộc bị cáo chiếm đoạt số tiền này là không đúng; không xem xét, xác minh, đánh giá các tài liệu chứng cứ của bị cáo cung cấp bao gồm các chi phí thuê xe ô tô, số tiền 5.346.000.000 đồng mà bị cáo đã bỏ ra góp vốn hộ cho các ông: Đoàn Văn M, Nguyễn Tiến H1 và Trần Minh Đ1 (hiện nay đang khởi kiện vụ án “đòi tài sản” tại Tòa án tỉnh Khánh Hòa).

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung và căn cứ của việc kháng cáo; ý kiến của những người liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thì có cơ sở để kết luận về hành vi của bị cáo như sau: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L (sau đây gọi tắt là Công ty L) được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 4201591769 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/3/2014, Công ty có vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Các cổ đông sáng lập công ty gồm:

Ông Nguyễn Tiến H1 góp 5.832.000.000 đồng, chiếm 19,44% vốn điều lệ;

Ông Đoàn Văn M góp 4.050.000.000 đồng, chiếm 13,5% vốn điều lệ;

Ông Trần Minh Đ1 góp 3.240.000.000 đồng, chiếm 10,8% vốn điều lệ;

Ông Vũ Văn D góp 3.078.000.000 đồng, chiếm 10,26% vốn điều lệ.

Ông Vũ Văn D được bầu làm chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của công ty trong thời gian từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 theo kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017 của Giám định viên Phạm Văn Mạnh thì: “số chênh lệch thu chi từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là 5.648.214.399 đồng (= 6.194.528.764 - 546.169.365 – 145.000); trách nhiệm này thuộc về ông Vũ Văn D. Tại buổi làm việc ngày 08/12/2016 với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, ông Vũ Văn D không giải trình được nguyên nhân chênh lệch”. Tại kết luận điều tra số 03/PC44 ngày 30/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa xác định:

“ - Tính đến thời điểm 30/6/2015:

+ D vẫn còn tiền góp vốn tại Công ty L là 3.078.000.000 đồng.

+ Tổng số tiền lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 1.209.264.650đ. Theo điều lệ Vũ Văn D có 19% cổ phần trong Công ty thì phần lãi của D được hưởng là 229.760.283đ.

Do vậy số tiền D chiếm đoạt của các thành viên khác là 5.648.214đ – (3.078.000.000đ + 229.760.283đ) = 2.340.454.116đ.”.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT/VKSKH-P1 ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã kết luận: “Trong thời gian làm Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L, từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015, Vũ Văn D đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt số tiền 2.340.454.116đ của các ông Nguyễn Tiến H1, Đoàn Văn M, Trần Minh Đ1 (Cổ đông sáng lập Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L)”.

Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tuyên bố bị cáo Vũ Văn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2]. Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Vũ Văn D và Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VC2 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì thấy: Vũ Văn D là Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L, trong quá trình tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017 thì: *“số chênh lệch thu chi từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là 5.648.214.399 đồng (= 6.194.528.764 - 546.169.365 – 145.000); trách nhiệm này thuộc về ông Vũ Văn D. Tại buổi làm việc ngày 08/12/2016 với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, ông Vũ Văn D không giải trình được nguyên nhân chênh lệch”*. Từ kết luận giám định tài chính này, Cơ quan điều tra đã lấy số tiền chênh lệch 5.648.214đ trừ đi hai khoản tiền mà Cơ quan điều tra cho rằng bị cáo đang có tại Công ty đó là: số tiền góp vốn của bị cáo D 3.078.000.000đ; tiền lãi của công ty mà bị cáo D được chia là 229.760.283đ [$5.648.214đ - (3.078.000.000đ + 229.760.283đ) = 2.340.454.116đ$] số tiền còn lại là 2.340.454.116đ và Giấy thỏa thuận về việc góp vốn lập ngày 06/4/2014 để truy tố và xét xử bị cáo về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là chưa có căn cứ vì:

[2.1]. Kết luận Điều tra và Bản án sơ thẩm cho rằng: Vũ Văn D đã tự ký “Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn và điều hành Công ty L ngày 06/4 2014” để chiếm đoạt số tiền 2.340.454.116đ của công ty là không đúng vì: theo kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017 thì: *“số chênh lệch thu chi từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là 5.648.214.399 đồng (= 6.194.528.764 - 546.169.365 – 145.000); trách nhiệm này thuộc về ông Vũ Văn D. Tại buổi làm việc ngày 08/12/2016 với Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, ông Vũ Văn D không giải trình được nguyên nhân chênh lệch”*. Như vậy, việc giả mạo biên bản nói trên có trước ngày xảy ra việc thất thoát số tiền theo kết luận giám định tài chính; việc giả mạo này nếu có cũng không có giá trị pháp lý về quyền điều hành Công ty của bị cáo Vũ Văn D theo giấy phép đăng ký kinh doanh số: 4201591769 của Phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 24/3/2014 cho Công ty L; không phù hợp với các quy định cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 175 bộ luật hình sự năm 2015.

[2.2]. Vũ Văn D là Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 116 Luật Doanh nghiệp năm 2005 (nay là Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2014) và Điều lệ của Công ty. Trong quá trình điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty trong thời gian từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 thì phát

sinh số tiền chênh lệch thu chi 5.648.214.399đ. Theo báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L thì: Tổng tài sản của công ty có từ 01/01/2015 là 16.660.043.437đ đến 31/12/2015 là 31.617.887.275đ; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ 01/01/2015 là 751.822.020đ đến 31/12/2015 là 516.530.673đ như vậy là Công ty kinh doanh có lãi, không có tài sản bị thất thoát; điều này cũng được khẳng định tại Công văn ngày 28/8/2017 của Giám định viên Phạm Văn Mạnh trả lời công văn số 625/PC44 của Cơ quan điều tra đề nghị giải thích rõ một số nội dung tại kết luận giám định tài chính ngày 27/02/2017 như sau: “*Căn cứ báo cáo tài chính năm 2014 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 21/4/2015 và báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán độc lập ngày 25/11/2016 đều có lãi nên không có cơ sở kết luận số tiền thất thoát trong quá trình hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L từ ngày 24/3/2014 đến ngày 31/12/2015*”. Như vậy tính đến ngày 31/12/2015, Công ty L không bị thất thoát tài sản, phần vốn góp của các cổ đông vẫn được bảo toàn.

[2.3]. Số tiền chênh lệch 5.648.214.399đ, theo kết luận điều tra là số tiền do: “*Lợi dụng lòng tin D đã tự ý thu tiền và tự ý sử dụng số tiền đã thu được của khách hàng sau đó dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền này. Tổng số tiền D đã thu và sử dụng cho mục đích cá nhân là 5.648.214.399đ, trong đó số tiền D đã chiếm đoạt của các thành viên là 2.340.454.116đ*”. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa thì: Trong thời gian từ ngày 24/3/2014 đến ngày 31/12/2015 không có khách hàng nào tố cáo Vũ Văn D chiếm đoạt tài sản của họ, Công ty L cũng không trả khoản tiền nào cho khách hàng thay cho Vũ Văn D. Các thành viên của Công ty L ngoài phần vốn góp vẫn được bảo toàn như trên thì cũng không nộp thêm số tiền nào để Vũ Văn D chiếm đoạt.

[2.4]. Cơ quan điều tra lấy số tiền chênh lệch 5.648.214.399đ trừ đi hai khoản tiền mà Cơ quan điều tra cho rằng bị cáo đang có tại Công ty đó là: số tiền góp vốn của bị cáo D 3.078.000.000đ; tiền lãi của công ty mà bị cáo D được chia là 229.760.283đ [$5.648.214đ - (3.078.000.000đ + 229.760.283đ) = 2.340.454.116đ$] số tiền còn lại là 2.340.454.116đ để kết luận bị cáo Vũ Văn D chiếm đoạt của các thành viên công ty cũng không đúng vì:

* Bị cáo D cho rằng bị cáo viết “*giấy đề nghị mua lại cổ phần*” vào ngày 28/11/2017 với mức giá chuyển nhượng bằng số vốn góp ban đầu trong khi Công ty kinh doanh có lãi là do bị ép buộc trong thời gian bị cáo đang bị tạm giam (bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2017 đến ngày 08/02/2018). Lời khai này của bị cáo là có căn cứ phù hợp với Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L thì: Tổng tài sản của công ty có từ 01/01/2015 là 16.660.043.437đ đến 31/12/2015 là 31.617.887.275đ; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ 01/01/2015 là 751.822.020đ đến 31/12/2015 là 516.530.673đ.

* Kết luận điều tra cho rằng: “Tổng số tiền lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 1.209.264.650 đ” là không phù hợp với Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển L vì Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán xác định: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ 01/01/2015 là 751.822.020đ đến 31/12/2015 là 516.530.673đ.

* Như đã nhận định ở trên do chưa xác định được số tiền 5.648.214.399đ do chênh lệch thu chi trong thời gian từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 là khoản tiền nào, nếu là tài sản của Công ty L phát sinh tăng thêm trong quá trình kinh doanh thì trong đó phải có phần của bị cáo Vũ Văn D ngoài phần vốn góp và lãi được chia của bị cáo D. Kết luận điều tra cho rằng số tiền 5.648.214.399đ là của các thành viên khác là không đúng.

* Khoản 4 Điều 116 Luật Doanh nghiệp năm 2005 (nay là khoản 4 Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2014) quy định: “4. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.” Như vậy, để có căn cứ kết luận Vũ Văn D gây thiệt hại cho công ty L trong thời gian điều hành Công ty thì cần xác định lại toàn bộ giá trị tài sản của Công ty (trong đó có tài sản Vũ Văn D) đến hết năm 2017 là cần thiết (Bị cáo D viết “giấy đề nghị mua lại cổ phần” vào ngày 28/11/2017). Việc xác định tài sản của Công ty L trong trường hợp này không phải là giám định giá trị tài sản mà Vũ Văn D gây thiệt hại cho Công ty mà xác định giá trị tài sản của Công ty trong đó có tỷ lệ tài sản tương ứng với phần vốn góp của Vũ Văn D để từ đó so sánh với số tiền Vũ Văn D là thất thoát của Công ty để buộc Vũ Văn D phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty theo quy định. Trước khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng đã ban hành Quyết định số 01/2018/QĐ-TA ngày 26/7/2018 để trưng cầu giám định tài sản của Công ty L nhưng khi chưa có kết quả giám định tài sản của Công ty L mà buộc Vũ Văn D chiếm đoạt số tiền 2.340.454.116đ của các thành viên công ty là không chính xác.

[2.5]. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Văn D xuất trình một số chứng từ, tài liệu có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Công ty L gồm: Các chứng từ Vũ Văn D cho các cổ đông vay tiền góp vốn vào Công ty L từ ngày 01/01/2014 đến 30/6/2015 (kèm theo đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa); Hợp đồng thuê xe giữa Công ty L và bà Vũ Thị C ngày 02/5/2014 (trong thời gian Vũ Văn D làm Tổng giám đốc). Các nội dung này cũng phải được xem xét vì có liên quan đến việc điều hành Công ty và trách nhiệm của Vũ Văn D.

[3]. Từ những phân tích như trên thì thấy: Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Vũ

Văn D phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là chưa đủ căn cứ vì chưa xác định được những nội dung như đã nhận ở trên. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo Vũ Văn D và các căn cứ bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo D cũng như Quyết định kháng nghị số 17/QĐ-VC2 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có căn cứ để chấp nhận. Do việc điều tra ở cấp sơ thẩm là chưa đầy đủ và Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên phải hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[4]. Do hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án nên bị cáo Vũ Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn D và Kháng nghị số 17/QĐ-VC2 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 18/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với bị cáo Vũ Văn D.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa để điều tra theo quy định.

3. Bị cáo Vũ Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSYA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến